

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ VÀ KINH DOANH THỰC PHẨM  
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ VÀ KINH DOANH THỰC PHẨM

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
KQ03007: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH (FINANCIAL ACCOUNTING)

**I. Thông tin về học phần**

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 03 (Lý thuyết 03 – Thực hành 0- Tự học 09)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 37 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp/ Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 8 tiết
  - + Thực hành trong phòng thí nghiệm/trong nhà lưới: 0 tiết
  - + Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Giờ tự học: 135 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Kế toán tài chính
  - Khoa: Kế toán và Quản trị kinh doanh
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán (KQ02014)
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh  Tiếng Việt

**II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần**

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
<b>Kiến thức chuyên môn</b>	
<b>CDR3. Vận dụng</b> kiến thức chuyên sâu về quản trị, kế toán, tài chính và marketing vào quản lý các hoạt động kinh doanh thực phẩm.	<b>3.2. Vận dụng</b> các kiến thức về kế toán quản trị và kế toán tài chính trong doanh nghiệp
<b>Kỹ năng chung</b>	
<b>CDR7. Làm việc nhóm</b> đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay người trưởng nhóm.	<b>7.2. Chủ động</b> giải quyết các vấn đề trong tổ chức, triển khai công việc.
<b>CDR8. Sử dụng</b> tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề	<b>8.2. Sử dụng</b> tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

<b>Chuẩn đầu ra của CTĐT</b> Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	<b>Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>
trong nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh thực phẩm một cách hiệu quả.	
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>CDR14. Thể hiện</b> trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ các quy định và luật về sản xuất và kinh doanh thực phẩm.	<b>14.2. Tuân thủ</b> các quy định và luật về sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

**\* Mục tiêu:**

- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về kế toán, các phương pháp theo dõi, ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế và các phương tính giá thành, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp cũng như hiểu, phân tích được các thông tin trên báo cáo tài chính.
- Học phần rèn luyện cho người học những kỹ năng cơ bản trong trình bày, xử lý và phân tích thông tin kinh tế tài chính và kỹ năng làm việc theo nhóm.
- Học phần hình thành cho người học thái độ chủ động trong giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính.

**\* Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

*I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)*

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT			
		3.2	7.2	8.2	14.2
KQ03007	Kế toán tài chính	M	P	P	P

<b>Ký hiệu</b>	<b>KQHTMD của học phần</b> <b>Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được</b>	<b>CDR của CTĐT</b>
Kiến thức		
K1	<b>Vận dụng</b> kiến thức của kế toán tài chính đánh giá hiệu quả các mô hình sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thực phẩm Tiêu chuẩn đánh giá: + Phản ánh chứng từ, ghi chép nghiệp vụ phát sinh + Đánh giá việc sử dụng tài sản, nguồn vốn tại doanh nghiệp Phương pháp đánh giá: Bài tập/Thuyết trình/Bài tập nhóm/Bài kiểm tra/Bài thi	3.2
K2	<b>Áp dụng</b> kiến thức kế toán để xây dựng và thực hiện các chiến lược phát triển SXKD trong lĩnh vực kinh doanh thực phẩm Tiêu chuẩn đánh giá: + Đánh giá kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh + Chiến lược sử dụng vốn bằng tiền, hàng tồn kho, tài sản của doanh nghiệp + Chiến lược thanh toán nợ + Chiến lược thu nhập cho người lao động Phương pháp đánh giá: Bài tập/Thuyết trình/Bài tập nhóm	3.2
Kỹ năng		
K3	<b>Vận dụng</b> thành thạo kỹ năng tư duy phân tích, phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong kế toán của DN kinh doanh thực phẩm	7.2

	Tiêu chuẩn đánh giá: + Xác định đúng, đủ nội dung chứng từ và nghiệp vụ phát sinh + Trình bày đúng và đủ các thông tin trên báo cáo tài chính Phương pháp đánh giá: Bài tập/Thuyết trình/Bài tập nhóm/Bài kiểm tra	
K4	<b>Đề ra các kết luận</b> phù hợp và giải pháp khả thi dựa trên tình hình thực tế tại doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm Tiêu chuẩn đánh giá: + Giải pháp giải quyết hàng tồn kho + Giải pháp xử lý nợ khó đòi + Giải pháp tiết kiệm chi phí + Giải pháp tăng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Phương pháp đánh giá: Bài tập/Thuyết trình/Bài tập nhóm	8.2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	<b>Giữ gìn</b> đạo đức nghề nghiệp của người làm kế toán trong công tác phát triển nông nghiệp, nông thôn Tiêu chuẩn đánh giá: + Vận dụng đúng quy định hiện hành về kế toán Phương pháp đánh giá: Tham dự lớp /Bài tập/Thuyết trình/Bài tập nhóm/ bài kiểm tra/bài thi	14.2

### III. Nội dung tóm tắt của học phần *(Không quá 100 từ)*

Mã: KQ03007 – Tên học phần: Kế toán tài chính (Tổng số tín chỉ 03: Tổng số tín chỉ lý thuyết: 03 – Tổng số tín chỉ thực hành: 0 – Tổng số tín chỉ tự học: 09).

Học phần được tập trung giới thiệu các nội dung và thực hành về: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu; Kế toán đầu tư tài chính; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định; Kế toán nợ phải trả; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành; Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu.

### IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

#### 1. Phương pháp giảng dạy

**Bảng 1. Phương pháp giảng dạy**

<b>KQHTMD</b> <b>PPGD</b>	<b>K1</b>	<b>K2</b>	<b>K3</b>	<b>K4</b>	<b>K5</b>
<b>Thuyết giảng</b> - Trực tiếp - Trực tuyến qua MS Teams	x	x	x		x
<b>Bài tập/ Bài tập nhóm</b>	x	x	x	X	x

#### 2. Phương pháp học tập

- Ghi chép đầy đủ những nội dung giảng viên giảng dạy trên lớp
- Đọc và tham khảo các tài liệu khác để bổ sung, nâng cao các kiến thức chuyên sâu.
- Làm các bài tập của mỗi chương.
- Tìm hiểu kiến thức thực tế từ các đề tài, internet để thảo luận, giải quyết các vấn đề được giáo viên đưa ra
- Tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài trong giờ học
- Phối hợp tốt trong làm việc nhóm
- Học trực tuyến: Sinh viên lựa chọn không gian phù hợp cho học tập, chuẩn bị đầy đủ các thiết bị hỗ trợ để tham gia học trực tuyến (máy tính/điện thoại kết nối mạng ...).

## V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp đầy đủ theo đúng Quy chế dạy và học hiện hành. Sinh viên cần chủ động tích cực phát biểu và thảo luận xây dựng bài. Sinh viên vắng học buổi nào có trách nhiệm tự tìm hiểu nội dung được giảng dạy và các thông tin được trao đổi trong bài học đó.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập trước khi tham dự buổi học theo yêu cầu của giảng viên.
- Trong buổi học: Sinh viên tích cực tham gia xây dựng bài, đưa ra những quan điểm cá nhân.
- Làm bài tập đầy đủ
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ theo quy định hiện hành.
- Tham gia: Sinh viên phải tham dự ít nhất 75% buổi học.

## VI. Đánh giá và cho điểm

### 1. Thang điểm: 10

### 2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

### 3. Phương pháp đánh giá

**Bảng 2. Kế hoạch đánh giá và trọng số**

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
<b>Đánh giá quá trình</b>		<b>50</b>	
Rubric 1. Đánh giá tham dự lớp	K5	10	1-9
Rubric 2.1 Bài tập/bài tập nhóm	K1, K2, K3, K4, K5	10	1-9
Rubric 2.2. Thảo luận nhóm			
Rubric 2.3. Kiểm tra GK	K1, K3, K5	30	9
<b>Đánh giá cuối kì</b>			
Rubric 4. Thi cuối kì	K1, K2, K3, K5	<b>50</b>	Theo lịch thi của Học viện

(Ghi chú: GV có thể lựa chọn 1 hoặc 2 cả 3 rubric trong các rubrics 2.1 đến 2.3, và tự điều chỉnh tỷ trọng tương ứng để đảm bảo tổng = 40%)

### Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4,0-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thời gian tham dự	50%	Mỗi buổi học là 5%, sinh viên không được phép nghỉ quá 25% tổng số buổi học			
Thái độ tham gia	50%	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia

### Rubric 2: Đánh giá quá trình

#### Rubric 2.1: Đánh giá bài tập/ bài tập nhóm

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Phương pháp giải/ Thái độ làm bài	30	Cách giải sáng tạo/ Nghiêm túc, làm việc độc lập	Đúng phương pháp/ Bị nhắc nhở 1 lần; đôi khi trao đổi	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả/ Bị nhắc nhở hơn 2 lần; trao đổi nhiều	Sai phương pháp/ Sao chép bài; bị nhắc nhở nhiều lần; trao đổi nhiều thường xuyên
Lập luận	40	Suy luận logic và căn cứ vững	Suy luận logic và có căn cứ, còn sai	Suy luận logic và có căn cứ, còn sai	Suy luận thiếu logic, không có căn

		chắc	sốt nhỏ	sốt khá quan trọng (tùy mức độ: 2.0 - 1.0 đ)	cứ
Kết quả	10	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tùy mức độ: 1.0-0.5 đ)	Sai kết quả hoàn toàn do hiểu sai bản chất
Trình bày bài giải	20	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng

**Rubric 2.2: Thảo luận nhóm**

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	20	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

**Chú ý: Giảng viên tự lựa chọn 1 hoặc 2 rubric trên, tự điều chỉnh số lượng bài và tỷ trọng giữa các bài để đảm bảo tổng =10%**

**Bảng 3.1 Chỉ báo thực hiện kết quả học tập mong đợi dành cho thi giữa kỳ  
(Hình thức: Trắc nghiệm hoặc tự luận)**

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Nhận diện chứng từ và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu Chỉ báo 2: Nhận diện chứng từ và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan kế toán tài sản, nguồn vốn trong doanh nghiệp
K3	Chỉ báo 4: Tổng hợp và lập báo cáo tài chính để cung cấp thông tin kinh tế tài chính của đơn vị cho đối tượng sử dụng thông tin
K5	Chỉ báo 5: Trung thực, có trách nhiệm trong bài kiểm tra giữa kỳ

**Bảng 3.2 Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần dành cho thi cuối kỳ  
(Hình thức: Trắc nghiệm, tự luận)**

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Phản ánh nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào chứng từ kế toán Chỉ báo 2: Tính toán các đối tượng kế toán và phản ánh vào sổ kế toán
K2	Chỉ báo 3: Thực hiện lập báo cáo kế toán để cung cấp thông tin nhằm đánh giá hiệu quả tài chính hoạt động sản xuất kinh doanh
K3	Chỉ báo 4: Thể hiện được tư duy phản biện trong đánh giá thông tin kinh tế tài chính của đơn vị

#### 4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Sinh viên bắt buộc tham gia tối thiểu 75% giờ học và tham gia đầy đủ các hoạt động (lên lớp, làm bài tập, đọc tài liệu, kiểm tra, thi) theo quy định của bộ môn.
- *Nộp bài tập chậm*: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm mỗi ngày trừ 1 điểm
- *Tham dự các bài thi*: Không tham gia bài thi giữa kì thì không đủ điều kiện dự thi cuối kỳ.

##### *Yêu cầu về đạo đức:*

- + Các bài tập tự phải do chính bản thân sinh viên thực hiện. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.
- + Sinh viên không được sử dụng điện thoại trong giờ học.
- Đối với học trực tuyến: Sinh viên chuẩn bị đầy đủ các thiết bị hỗ trợ để tham gia học trực tuyến (máy tính/điện thoại kết nối mạng, máy tính cài đặt phần mềm kế toán). Sinh viên chỉ được sử dụng thiết bị công nghệ cho mục đích học tập, không được sử dụng điện thoại và các thiết bị khác gây ảnh hưởng đến việc tương tác và trao đổi của giáo viên với mình và người học khác. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập, bài kiểm tra trực tuyến đúng thời hạn quy định.

#### VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

##### *\* Sách giáo trình/Bài giảng:*

1. Trần Xuân Nam (2015)- Kế toán tài chính. Nhà xuất bản tài chính. 657 TRN 2015/2, TTTV LDC - HVN
2. Bùi Thị Phúc (2015)- Bài tập kế toán tài chính. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp . 657.480 76 BUP 2015, TTTV LDC - HVN
3. Võ Văn Nhi, Trần Anh Khoa và cộng sự (2018) Giáo trình kế toán tài chính. Nhà xuất bản tài chính. 657 KET2018 TTTV LDC – HVN
4. Trần Mạnh Dũng, Phạm Đức Cường, Đinh Thế Hùng (2018) Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành, nhà xuất bản tài chính, 257 TRD 2018, TTTV LDC – HVN

##### *\* Tài liệu tham khảo khác:*

1. Bộ Tài Chính (2014). Hướng dẫn thực hành Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Hệ thống tài khoản kế toán, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (Quyển 1). Nhà xuất bản Tài chính
2. Bộ Tài Chính (2014). Hướng dẫn thực hành Chế độ kế toán doanh nghiệp, Báo cáo tài chính – Chứng từ và sổ kế toán (Quyển 2). Nhà xuất bản Tài chính

#### VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1+2	<b>Chương 1: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu</b>	K1, K2, K3, K4, K5

	<p><b>A/ Các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)</b>  <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (7 tiết)</b>  <b>1.1.Kế toán vốn bằng tiền</b>  1.1.1. Những vấn đề chung về kế toán vốn bằng tiền  1.1.2. Phương pháp hạch toán kế toán vốn bằng tiền  <b>1.2.Kế toán các khoản nợ phải thu</b>  1.2.1.Những vấn đề chung về kế toán các khoản phải thu  1.2.2.Phương pháp hạch toán kế toán các khoản phải thu  <b>Nội dung bài tập: (2 tiết)</b>  - Làm bài tập nghiệp vụ về kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu</p>	K1, K2, K3, K4, K5
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết)</b>  Sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập chương 1</p>	K1, K2, K3, K4, K5
3	<b>Chương 2: Kế toán đầu tư tài chính</b>	K1, K2, K3, K4, K5
	<p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b>  <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</b>  2.1. Những vấn đề chung  2.2. Kế toán đầu tư chứng khoán  2.3. Kế toán góp vốn liên doanh</p>	K1, K2, K3, K4, K5
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b>  Sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập chương 2</p>	K1, K2, K3, K4, K5
	<b>Chương 3: Kế toán hàng tồn kho</b>	K1, K2, K3, K4, K5
3+4	<p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</b>  <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết (5 tiết)</b>  3.1. Những vấn đề chung về kế toán hàng tồn kho  3.2. Quản lý hàng tồn kho  3.3. Kế toán hàng tồn kho  3.4. Kế toán dự phòng giảm giá  <b>Nội dung bài tập: (1 tiết)</b>  - Làm bài tập về kế toán hàng tồn kho</p>	K1, K2, K3, K4, K5
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</b>  Sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập chương 3</p>	K1, K2, K3, K4, K5
	<b>Chương 4: Kế toán tài sản cố định</b>	K1, K2, K3, K4, K5
4+5	<p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</b>  <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết)</b>  4.1 Một số vấn đề chung về kế toán tài sản cố định  4.2. Kế toán tài sản cố định  4.2.1. Kế toán tài sản cố định hữu hình vô hình  4.2.2. Kế toán hao mòn tài sản cố định  4.2.3. Kế toán xây dựng cơ bản dở dang  <b>Nội dung bài tập: (1 tiết)</b></p>	K1, K2, K3, K4, K5

	- Làm bài tập về kế toán tài sản cố định nh	
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</b> Sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập chương 4	K1, K2, K3, K4, K5
	<b>Chương 5: Kế toán nợ phải trả</b>	K1, K2, K3, K4, K5
6+7	<b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)</b> <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (7 tiết)</b> 5.1. Một số vấn đề chung về kế toán nợ phải trả 5.2. Kế toán nợ phải trả 5.2.1. Kế toán vay ngắn hạn, dài hạn 5.2.2. Kế toán nợ phải trả người bán 5.2.3. Kế toán thuế và các khoản phải nộp nhà nước 5.2.4. Kế toán phải trả công nhân viên 5.2.5. Kế toán phải trả khác <b>Nội dung bài tập: (2 tiết)</b> - Làm bài tập về kế toán nợ phải trả	K1, K2, K3, K4, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết)</b> Sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập chương 5	K1, K2, K3, K4, K5
	<b>Chương 6: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành</b>	K1, K2, K3, K4, K5
7+8	<b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b> <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết)</b> 6.1. Một số vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành 6.2. Kế toán chi phí sản xuất 6.3. Kế toán tính giá thành <b>Nội dung bài tập: (1 tiết)</b> - Làm bài tập về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm	K1, K2, K3, K4, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b> Sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập chương 6	K1, K2, K3, K4, K5
	<b>Chương 7: Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh</b>	K1, K2, K3, K4, K5
8+9	<b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</b> <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết)</b> 7.1. Kế toán doanh thu doanh thu bán hàng 7.2. Kế toán các khoản chi phí 7.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán 7.2.2. Kế toán chi phí tài chính 7.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp 7.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh <b>Nội dung bài tập: (1 tiết)</b> - Làm bài tập về kế toán xác định kết quả kinh doanh	K1, K2, K3, K4, K5



	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</b> Sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập chương 7	K1, K2, K3, K4, K5
9	<b>Chương 8: Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu</b>	
	<b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b> <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</b> 8.1. Một số quy định chung về kế toán nguồn vốn chủ sở hữu 8.2. Kế toán nguồn vốn kinh doanh 8.3. Kế toán lợi nhuận chưa phân phối 8.4. Kế toán nguồn vốn quỹ <b>Nội dung bài tập: (0 tiết)</b>	K1, K2, K3, K4, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b> Sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập chương 8	K1, K2, K3, K4, K5

### IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học sạch sẽ, rộng, thoáng kèm theo các thiết bị thiết yếu như bàn ghế tốt, quạt tốt.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Đầy đủ phương tiện cần thiết như máy chiếu, bảng phấn, phấn viết không bụi và loa, mic
- E- learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không dễ xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....  
**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## PHỤ LỤC

### THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

#### 1. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: <b>Nguyễn Đăng Học</b>	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kế toán tài chính, phòng 428, Tòa nhà Hành chính, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:ndhoc@vnua.edu.vn">ndhoc@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/">http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	Email (khuyến khích); điện thoại; gặp tại văn phòng. Ngày làm việc trong giờ hành chính

#### 2. Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: <b>Lê Thị Minh Châu</b>	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kế toán tài chính, phòng 428, Tòa nhà Hành chính, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0988972189
Email: <a href="mailto:ltmchau@vnu.edu.vn">ltmchau@vnu.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/">http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	Email (khuyến khích); điện thoại; gặp tại văn phòng. Ngày làm việc trong giờ hành chính

#### 3. Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: <b>Vũ Ngọc Huyền</b>	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kế toán tài chính, phòng 428, Tòa nhà Hành chính, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 091 246 2260
Email: <a href="mailto:vnhuyen@vnua.edu.vn">vnhuyen@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/">http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	Email (khuyến khích); điện thoại; gặp tại văn phòng. Ngày làm việc trong giờ hành chính

#### 4. Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: <b>Trần Minh Huệ</b>	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kế toán tài chính, phòng 428, Tòa nhà Hành chính, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 098 855 4348
Email: <a href="mailto:vnhuyen@vnua.edu.vn">vnhuyen@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/">http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	Email (khuyến khích); điện thoại; gặp tại văn phòng. Ngày làm việc trong giờ hành chính

#### 5. Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: <b>Phan Lê Trang</b>	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kế toán tài chính,	Điện thoại liên hệ: 038 2203 443

phòng 428, Tòa nhà Hành chính, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	
Email: <a href="mailto:trangpl88@gmail.com">trangpl88@gmail.com</a>	Trang web: <a href="http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/">http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	Email (khuyến khích); điện thoại; gặp tại văn phòng. Ngày làm việc trong giờ hành chính

#### 6. Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: <b>Trần Nguyễn Thị Yến</b>	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kế toán tài chính, phòng 428, Tòa nhà Hành chính, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0979651360
Email: <a href="mailto:tntyen@vnua.edu.vn">tntyen@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/">http://ketoan.vnua.edu.vn/index.php/vi/</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	Email (khuyến khích); điện thoại; gặp tại văn phòng. Ngày làm việc trong giờ hành chính

#### X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/ 2019

Rà soát và cập nhật phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá, chuyển đổi hình thức kiểm tra tự luận sang thi trắc nghiệm kết hợp bài tập.

- Lần 2: 7/ 2020

Rà soát và cập nhật tài liệu tham khảo và bổ sung phương pháp giảng dạy online qua phần mềm MS Teams.

- Lần 3: 7/ 2021

Rà soát và cập nhật phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá và bổ sung phương pháp giảng dạy online qua phần mềm MS Teams.

- Lần 4: 7/ 2022

Rà soát và cập nhật phương pháp giảng dạy, tài liệu học tập.

- Lần 5: 7/ 2023

Chỉnh sửa lại đề cương học phần theo chỉnh sửa lớn CTĐT (hiệu chỉnh CĐR, sự đóng góp của học phần vào CĐR)